

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-10-2022

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú A

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đình A, sinh năm 1988 (có mặt)
 2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1997 (vắng mặt không có lý do)
- Cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đình A trình bày:

Ông Lê Đình A và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 25/2018 ngày 23 tháng 4 năm 2018. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế, bà B đã bỏ nhà đi làm ăn

xa mấy tháng sau đó lại quay về nhà, tuy nhiên vợ chồng vẫn không sống chung được với nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không còn ai quan tâm ai. Ngoài ra, bà B đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã chở lên trầm trọng nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông A và bà B có 01 người con chung là Lê Minh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2000, hiện nay đang ở với bà B. Sau khi ly hôn do cháu C còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên ông B đồng ý giao con chung là cháu C cho bà B nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Đình A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị B vẫn vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu ông A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình A.

Về con chung: Giao người con chung Lê Minh C , sinh ngày 21 tháng 9 năm 2000 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do ông Lê Đình A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là bà Nguyễn Thị B cư trú tại: Thôn 3, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như bà B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là ông Lê Đình A cho thấy, ông và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau hợp pháp và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 23 tháng 4 năm 2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 vợ chồng đã không có hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà B bỏ nhà đi làm ăn xa không quan tâm gì đến gia đình, sau đó bà B quay về sống chung với ông A nhưng vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và tiếp tục sống ly thân với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay không còn ai quan tâm ai.

Tại phiên tòa ông A cho rằng ông và bà B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, và ông A xác định nay không còn tình cảm với bà B. Mặc dù. Tại phiên tòa không có mặt bà B nhưng ông A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với bà B. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông A và bà B có 01 người con chung là Lê Minh A, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2000. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai của ông A trình bày do ông thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc con chung là cháu C, hơn nữa cháu C chưa được 36 tháng tuổi và hiện nay đang ở với bà B, ông A đồng ý giao con cho bà B nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo

quyền lợi cho cháu, nghĩ cần thiết phải giao người con chung Lê Minh C cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A về tranh chấp ly hôn

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Đình A được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

- *Về con chung:* Giao con chung Lê Minh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2000 cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét.

2. Về án phí HN&GD sơ thẩm: Ông Lê Đình A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006263 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên toà

Văn Phú A